| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 280/2025/HS-ST
Ngày 16 - 12 - 2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành;

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Quang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Đây;

Bà Lê Ngọc Sương;

Ông Bùi Tấn Đô.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Văn Cao - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 253/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 311/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2025; đối với:

***- Bị cáo:*** Đỗ Minh T, sinh năm 1989 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07508901729X; nơi đăng ký thường trú: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình P và bà Hoàng Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2025; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh T:*** Ông Lê Hoàng M, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; nơi làm việc: Công ty L; địa chỉ: Số C, đường L, Khu phố I, phường T, tỉnh Đồng Nai; số điện thoại: 0935 184 0XX; có mặt tại

phiên tòa.

**- *Bị hại:*** Công ty T1;

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà A Maria W, chức danh: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số:167/2021/GUQ-SE ngày 25/6/2021)*: Ông Lê Xuân M1, chức danh: Nhân viên Phòng An ninh - Công ty T1; số điện thoại: 0916 295 4XX; có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10, Tòa nhà P, Số B, đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Nội dung chính:**

Đỗ Minh T là nhân viên hỗ trợ kinh doanh của Công ty T1 *(sau đây, viết tắt là Công ty T1)*. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2021, Đỗ Minh T được giao phụ trách khu vực Đ - T, tỉnh Đồng Nai, nhiệm vụ của T là tư vấn cho khách hàng vay tiền, làm hợp đồng cho khách hàng trình Công ty T1 duyệt khoản vay. Sau khi tư vấn cho các khách hàng xong, T tiếp tục tư vấn cho khách hàng chuyển đổi các hợp đồng từ nhu cầu vay tiền mặt thành các hợp đồng mua sản phẩm trả góp tại các cửa hàng mua bán nội thất, xe máy… trên địa bàn xã Đ, xã T, tỉnh Đồng Nai, như cửa hàng Q1, Số A, khu phố H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1982 làm chủ; Cửa hàng N2, Khu F, xã T, tỉnh Đồng Nai do bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968 làm chủ; Cửa hàng Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Mạnh C, Số A, Quốc lộ B, ấp H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai do bà Bùi Thị Kim N1, sinh năm 1966 làm chủ; Cửa hàng Công ty Trách nhiệm hữu hạn P2, tại Ấp C, P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai do bà Bùi Trần P1, sinh năm 1971 làm chủ. Giữa các chủ cửa hàng này với Công ty T1 có ký với nhau hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh, để giới thiệu và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính tiêu dùng. Các hồ sơ sau khi tư vấn cho khách hàng xong, được T gửi về công ty hoặc gửi qua app riêng, để công ty phê duyệt, giải ngân tiền cho các hợp đồng mà khách hàng đã làm, rồi T nói với các khách hàng về chờ, khi nào công ty duyệt và giải ngân, T sẽ gọi lên nhận sản phẩm.

Sau khi biết công ty đã duyệt và giải ngân tiền cho các hợp đồng về tài khoản của các chủ cửa hàng, T đến gặp các chủ cửa hàng và đưa ra thông tin gian dối rằng: *"khách hàng hủy hợp đồng, nên Trung đại diện cho công ty đến nhận lại số tiền trên, để chuyển lại về cho công ty"* hoặc *"T làm hợp đồng sai mã code, nên xin nhận lại tiền, để hủy hợp đồng và trả lại cho công ty"*. Tin tưởng lời T nói là thật, nên các chủ cửa hàng đã đồng ý đưa lại số tiền này cho T. Sau khi nhận tiền từ các chủ cửa hàng, T đã sử dụng vào mục đích cá nhân như: Trả các khoản nợ mà T đã vay tiền của Công ty T1, các khoản vay mà T nhờ người thân và bạn bè đứng ra, lập hồ sơ vay tiền của công ty G. Ngoài ra, T còn lập thẻ tín dụng cho khách hàng, nhưng không giao cho khách mà giữ thẻ của khách hàng, để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Các khách hàng vay tiền của công ty thấy lâu mà chưa nhận được tiền có hỏi T, thì T nói dối hồ sơ chưa được công ty duyệt và giải ngân; khi nào duyệt và giải ngân, T sẽ thông báo cho khách hàng đến nhận tiền hoặc thông báo hồ sơ không được duyệt, để khách hàng đi về.

Khoảng 02 tháng sau, Công ty T1 thấy các hợp đồng mà T tư vấn chuyển về công ty để ký kết và đã được giải ngân, nhưng không đóng tiền gốc và lãi theo đúng hạn quy định, nên bộ phận an ninh của công ty đã tiến hành kiểm tra, phát hiện từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2021, Đỗ Minh T đã lập ra 47 hợp đồng vay tín dụng đứng tên khách hàng, chiếm đoạt số tiền 1.153.802.517 đồng của công ty, cụ thể như sau (tiền Việt Nam đồng):

| | Số hợp đồng | Khách hàng | Ngày ký hợp đồng | Sản phẩm | Số tiền vay | Số tiền đã trả | Còn lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 4003601629 | Nguyễn Thị Thúy | 27.6.2020 | Đồ nội thất | 29.000.000 | 38.051.000 | |
| 2 | 4004098738 | Dín Nhộc Làn | 27.7.2020 | Đồ nội thất | 40.000.000 | 52.462.000 | |
| 3 | 4006428743 | Ngũ Thế Đào | 16.12.2020 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 13.410.000 | |
| 4 | 4006635043 | Nguyễn Đức Vượng | 30.12.2020 | Đồ nội thất | 10.000.000 | 6.300.000 | |
| 5 | 4100067287 | Lê Văn Lâm | 05.01.2021 | Đồ nội thất | 30.000.000 | 19.703.500 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | 4100118502 | Hồ Thanh Minh | 09.01.2021 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 26.280.660 | |
| 7 | 4100158948 | Trần Văn Giàu | 10.01.2021 | Đồ nội thất | 2.400.000 | 2.938.375 | |
| 8 | 4100217854 | Trần đức tuấn | 14.01.2021 | Đồ nội thất | 31.000.000 | 19.204.440 | |
| 9 | 4100366261 | Nguyễn Thị Kim Có | 24.01.2021 | Đồ nội thất | 42.000.000 | 52.395.000 | |
| 10 | 4100471014 | Phan Bán | 28.01.2021 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 2.213.000 | |
| 11 | 4100553529 | Bùi Văn Sáng | 01.02.2021 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 26.260.730 | |
| 12 | 4100866810 | Lê Thị Bạch Phượng | 16.02.2021 | Đồ nội thất | 29.000.000 | 38.143.680 | |
| 13 | 4100944769 | Hà Văn Hùng | 20.02.2021 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 26.234.000 | |
| 14 | 4101010504 | Trần Thị Thu Thảo | 24.02.2021 | Đồ nội thất | 40.000.000 | 16.475.000 | |
| 15 | 4101118851 | Nguyễn Thị Nguyệt | 03.03.2021 | Đồ nội thất | 30.000.000 | 39.427.840 | |
| 16 | 4101223963 | Nguyễn Thị Bài | 09.03.2021 | Đồ nội thất | 40.000.000 | 50.657.852 | |
| 17 | 4101373229 | Hà Thị Diễm | 18.03.2021 | Đồ nội thất | 26.000.000 | 8.672.000 | |
| 18 | 4101454628 | Nguyễn Lê Thùy Trinh | 24.03.2021 | Đồ nội thất | 12.000.000 | 5.480.000 | |
| 19 | 4101636168 | Trần Văn Phúc | 05.04.2021 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 6.537.000 | |
| 20 | 4101923829 | Lù | 22.04.2021 | Đồ | 15.000.000 | 3.306.000 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nhộc Pẩu | | nội thất | | | |
| 21 | 4101998308 | Trần Thị Mộng Trang | 27.04.2021 | Đồ nội thất | 40.000.000 | 8.764.000 | |
| 22 | 4102002596 | Nguyễn Thị Kim Chi | 27.04.2021 | Đồ nội thất | 20.000.000 | 26.288.000 | |
| 23 | 4102020981 | Trần Thị Mộng Phương | 28.04.2021 | Đồ nội thất | 30.000.000 | 6.581.000 | |
| 24 | 4102069716 | Võ Văn Hải | 01.05.2021 | Đồ nội thất | 40.000.000 | 8.773.000 | |
| 25 | 4102078118 | Trần Quay Phụng | 01.05.2021 | Đồ nội thất | 10.990.000 | 0 | |
| 26 | 4102128418 | Trương Thanh Lộc | 03.05.2021 | Đồ nội thất | 30.000.000 | 6.566.000 | |
| 27 | 4102165162 | Nguyễn Hoàng Long | 06.05.2021 | Đồ nội thất | 31.000.000 | 3.500.000 | |
| 28 | 4102198809 | Hoàng Bảo Duy | 08.05.2021 | Đồ nội thất | 30.000.000 | 3.350.000 | |
| 29 | 4102276538 | Nguyễn Văn Mót | 12.05.2021 | Đồ nội thất | 30.000.000 | 39.382.000 | |
| 30 | 41024299766 | Đinh Thanh Dũng | 19.05.2021 | Đồ nội thất | 40.000.000 | 4.380.000 | |
| 31 | 4001950686 | Nguyễn Vũ Nhật Tiên | 12.04.2020 | Xe máy | 30.000.000 | 39.363.223 | |
| 32 | 4004984744 | Vũ Thị Huệ | 16.09.2020 | Xe máy | 80.000.000 | 30.875.870 | |
| 33 | 4005360359 | Trần Thị Mộng Trinh | 10.10.2020 | Xe máy | 60.000.000 | 24.694.690 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | 4005385153 | Lê Thị Lan | 25.10.2020 | Xe máy | 7.500.000 | 9.097.000 | |
| 35 | 4005898957 | Vũ Thị Thảo | 12.11.2020 | Xe máy | 24.000.000 | 29.053.860 | |
| 36 | 4005441431 | Lê Thị Lan | 15.10.2020 | Tiền mặt | 10.000.000 | 11.816.000 | |
| 37 | 4101636646 | Trần Văn Phúc | 05.04.2021 | Tiền mặt | 30.000.000 | 6.120.000 | |
| 38 | 4102078299 | Trần Quay Phụng | 01.05.2021 | Tiền mặt | 11.000.000 | 13.596.000 | |
| 39 | 4005012292 | Vũ Thị Thảo | 18.09.2020 | Thẻ tín dụng | 195.000 | 195.000 | |
| 40 | 4005943370 | Phan Thành Tuấn | 15.11.2020 | Thẻ tín dụng | 17.943.456 | 17.943.456 | |
| 41 | 4006521802 | Trần Thế Thiên | 22.12.2020 | Thẻ tín dụng | 11.739.453 | 11.739.453 | |
| 42 | 4101636349 | Trần Văn Phúc | 05.04.2021 | Thẻ tín dụng | 14.266.661 | 2.750.000 | |
| 43 | 4101682355 | Vũ Thị Thùy Trang | 08.04.2021 | Thẻ tín dụng | 9.008.616 | 9.008.616 | 0 |
| 44 | 4101795411 | Trần Xuân Thành | 14.04.2021 | Thẻ tín dụng | 15.324.592 | 3.800.000 | 11.524.592 |
| 45 | 4101810953 | Thạch Thiết Tường | 15.04.2021 | Thẻ tín dụng | 13.169.739 | 5.190.000 | 7.97.739 |
| 46 | 4102262370 | Nguyễn Đức Trọng | 11.05.2021 | Thẻ tín dụng | 8.665.000 | 8.665.000 | 0 |
| 47 | 4102499989 | Nguyễn Văn Bắc | 23.05.2021 | Thẻ tín dụng | 12.600.000 | 12.600.000 | 0 |
| | **Tổng** | | | | **1.153.802.517** | **798.244.245** | **355.558.272** |

Tài liệu thu giữ được lưu hồ sơ vụ án:

- 47 (bốn mươi bảy) hồ sơ vay thẻ tín dụng, vay tiền mặt và vay mua sản phẩm trả góp.

- 01 (một) hình ảnh thể hiện nội dụng ngày 30/12/2020, Đỗ Minh T xác nhận việc nhận lại số tiền 10.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị V, với lý do *"Làm lộn Code. Shop. Số HĐ: 4006635043"*, có chữ ký chữ viết mang tên Đỗ Minh T và có điểm chỉ vân tay (bút lục số 69).

- 01 USB ghi âm, ghi hình khi lấy lời khai bị can Đỗ Minh T.

**2. Trách nhiệm dân sự:**

Đỗ Minh T đã khắc phục được số tiền 798.244.245 đồng cho Công ty T1, còn lại số tiền 355.558.272 đồng. Công ty T1 yêu cầu Đỗ Minh T phải trả lại số tiền 608.804.505 đồng cho công ty, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

**3. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Cáo trạng số: 129/CT-VKS-P2 ngày 30/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố Đỗ Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Minh T từ 13 năm đến 15 năm tù;

- Bồi thường dân sự theo quy định.

**4. Trình bày của bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:**

Bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố; đồng thời, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả.

**5. Người bào chữa cho bị cáo trình bày tại phiên tòa:**

Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tích cực hợp tác trong quá trình điều tra; hoàn cảnh phạm tội do khó khăn về kinh tế gia đình, nhận thức pháp luật kém và đang trong cao điểm dịch Covid-19. Việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là không đúng với khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và quyết định cho các bị cáo mức án nhẹ nhất và dưới khung hình phạt.

**6. Nội dung khác có liên quan:**

Đối với các chủ cửa hàng mua bán nội thất, xe máy là anh Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị V, bà Bùi Thị Kim N1 và bà Bùi Trần P1; những người này không có bàn bạc với Đỗ Minh T, nên khi T nói dối *"Khách hàng hủy hợp đồng hoặc hợp đồng sai mã Code"*, T đến xin nhận lại tiền, để hủy hợp đồng và trả lại tiền cho công ty, nên các chủ đại lý trên đã tin tưởng đưa tiền cho T; do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ.

[2] Về tội danh bị truy tố:

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Minh T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả. Đỗ Minh T là nhân viên hỗ trợ kinh doanh của Công ty T1 (không có chức năng, nhiệm vụ thu tiền cho công ty). Từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2021, với các thủ đoạn được mô tả trên, T đã lập ra 47 hợp đồng tín dụng đứng tên của khách hàng, để chiếm đoạt số tiền 1.153.802.517 đồng của Công ty T1.

Cáo trạng truy tố là có căn cứ, đủ cơ sở kết luận bị cáo Đỗ Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Minh T phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Minh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần cho bị hại. Tại phiên tòa, đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo. Áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo.

3.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Hành vi của bị cáo Đỗ Minh T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Minh T, để bảo đảm cho việc thi hành án.

[4] Về dân sự:

Tại phiên tòa, đại diện Công ty T1 tự nguyện giảm bớt yêu cầu, chỉ đề nghị bị cáo Đỗ Minh T phải tiếp tục bồi thường số tiền gốc là 355.558.272 đồng.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và bị hại được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận phần phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**2.** Hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2025.

**3.** Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Minh T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

**4.** Dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 5 Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Đỗ Minh T phải tiếp tục bồi thường cho Công ty T1 số tiền 355.558.272 đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

**5.** Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Án phí:

- Buộc bị cáo Đỗ Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Đỗ Minh T phải nộp (đã làm tròn) 17.770.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**7.** Quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo và bị hại;
- Người bào chữa;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam số 1 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký và đóng dấu**

Đồng Nai (PC02);
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án;
- Ủy ban nhân dân và Công an xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng (17).

**Nguyễn Văn Thành**